

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

| | Trang |
|--|---------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 02 - 03 |
| Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất | 04 |
| Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét | 05 - 38 |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất | 05 - 07 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 08 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất | 09 - 10 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất | 11 - 38 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 7 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 04 năm 2015 với số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới 0100100745.

Trụ sở chính của Công ty tại số 18 Lý Văn Phúc, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | | |
|---------------------|--------------|--|
| Ông Trịnh Văn Tuấn | Chủ tịch | |
| Ông Vũ Văn Tứ | Phó Chủ tịch | |
| Ông Võ Hồng Quang | Ủy viên | |
| Bà Mai Thị Hiền | Ủy viên | (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2015) |
| Ông Nguyễn Minh Đệ | Ủy viên | (Bỏ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2015) |
| Bà Nguyễn Thị Hương | Ủy viên | (Bỏ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2015) |

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | | |
|---------------------|-------------------|--|
| Ông Trịnh Văn Tuấn | Tổng Giám đốc | |
| Ông Vũ Văn Tứ | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông Nguyễn Văn Văn | Phó Tổng Giám đốc | (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2015) |
| Ông Đặng Văn Nghĩa | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông Võ Hồng Quang | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông Nguyễn Nhật Tân | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông Nguyễn Minh Đệ | Phó Tổng Giám đốc | |

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

| | | |
|----------------------|----------------------|--|
| Bà Nguyễn Thị Hải Hà | Trưởng ban kiểm soát | |
| Ông Nguyễn Trọng Đức | Thành viên | (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2015) |
| Ông Đỗ Văn Hào | Thành viên | (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2015) |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | Thành viên | (Bỏ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2015) |
| Ông Nguyễn Quang Vũ | Thành viên | (Bỏ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2015) |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

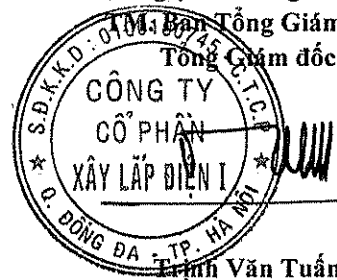
Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XÂY LẮP ĐIỆN I
TRẦN VĂN TUẤN



Số: 1421 /2015/BC.KTTC-AASC.KT3

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Quốc Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0285-2013-002-1



Nguyễn Thanh Hương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1918-2013-002-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | 30/06/2015 | 01/01/2015 |
|----------------|---|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | VND | VND |
| TÀI SẢN | | | | |
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 1.928.054.014.662 | 1.610.497.915.820 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 3 | 255.691.835.797 | 414.907.865.578 |
| 111 | 1. Tiền | | 58.147.661.297 | 57.007.865.578 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 197.544.174.500 | 357.900.000.000 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 812.613.116.043 | 537.981.609.417 |
| 131 | 1. Phải thu của khách hàng | | 522.464.049.320 | 364.122.267.677 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán | | 274.064.410.682 | 164.438.767.560 |
| 135 | 5. Các khoản phải thu khác | 4 | 22.728.284.586 | 19.696.186.189 |
| 139 | 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | (6.643.628.545) | (10.275.612.009) |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | 5 | 750.545.375.793 | 626.061.010.473 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 750.545.375.793 | 626.061.010.473 |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 109.203.687.029 | 31.547.430.352 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | | 1.763.966.102 | 1.127.483.366 |
| 152 | 2. Thuế GTGT được khấu trừ | | 15.582.581.032 | 11.473.043.991 |
| 154 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 6 | 8.613.474 | 11.317.247 |
| 158 | 5. Tài sản ngắn hạn khác | 7 | 91.848.526.421 | 18.935.585.748 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 632.741.621.643 | 467.544.724.862 |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 415.853.655.866 | 238.239.635.415 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 8 | 78.369.776.702 | 76.129.864.940 |
| 222 | - Nguyên giá | | 258.539.835.052 | 250.475.007.397 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (180.170.058.350) | (174.345.142.457) |
| 227 | 3. Tài sản cố định vô hình | 9 | 1.566.977.437 | 1.821.341.013 |
| 228 | - Nguyên giá | | 10.913.551.854 | 10.913.551.854 |
| 229 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (9.346.574.417) | (9.092.210.841) |
| 230 | 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 10 | 335.916.901.727 | 160.288.429.462 |
| 240 | III. Bất động sản đầu tư | 11 | 89.797.696.590 | 91.844.704.143 |
| 241 | - Nguyên giá | | 96.348.430.488 | 96.348.430.488 |
| 242 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (6.550.733.898) | (4.503.726.345) |
| 250 | IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 12 | 113.069.085.313 | 117.679.864.705 |
| 252 | 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | | 108.247.315.313 | 112.858.094.705 |
| 258 | 3. Đầu tư dài hạn khác | | 4.821.770.000 | 4.821.770.000 |
| 260 | V. Tài sản dài hạn khác | | 14.021.183.874 | 16.819.465.653 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 13 | 8.950.671.546 | 12.601.709.815 |
| 262 | 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 29.2 | 3.553.183.396 | 3.568.215.838 |
| 268 | 3. Tài sản dài hạn khác | 14 | 1.517.328.932 | 649.540.000 |
| 269 | VI. Lợi thế thương mại | | - | 2.961.054.946 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 2.560.795.636.305 | 2.078.042.640.682 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

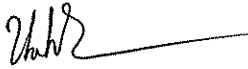
| Mã số | Chi tiêu | Thuyết minh | 30/06/2015 | 01/01/2015 |
|------------------|---|-------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | | | VND | VND |
| NGUỒN VỐN | | | | |
| 300 | A. NỢ PHẢI TRẢ | | 1.532.840.239.527 | 1.177.806.489.013 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 1.175.268.996.307 | 998.197.394.066 |
| 311 | 1. Vay và nợ ngắn hạn | 15 | 166.746.001.897 | 115.282.617.572 |
| 312 | 2. Phải trả cho người bán | | 386.974.712.375 | 445.486.761.051 |
| 313 | 3. Người mua trả tiền trước | | 276.509.575.041 | 33.726.662.631 |
| 314 | 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 16 | 80.077.150.426 | 106.362.263.393 |
| 315 | 5. Phải trả người lao động | | 34.067.854.585 | 69.454.926.002 |
| 316 | 6. Chi phí phải trả | 17 | 76.387.316.918 | 89.952.868.924 |
| 319 | 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 18 | 60.309.920.094 | 55.173.108.130 |
| 320 | 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 19 | 73.517.000.192 | 70.053.114.828 |
| 323 | 11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi | | 20.679.464.779 | 12.705.071.535 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 357.571.243.220 | 179.609.094.947 |
| 333 | 3. Phải trả dài hạn khác | | - | 139.211.321 |
| 334 | 4. Vay và nợ dài hạn | 20 | 211.578.386.864 | 74.357.198.239 |
| 335 | 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 29.2 | 561.677.557 | 2.663.541.460 |
| 337 | 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 21 | 144.826.652.511 | 102.193.330.185 |
| 338 | 8. Doanh thu chưa thực hiện | | 604.526.288 | 255.813.742 |
| 400 | B. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 940.244.454.912 | 863.831.621.517 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 22 | 940.244.454.912 | 863.831.621.517 |
| 411 | 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | 201.000.000.000 | 201.000.000.000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 4.726.187.500 | 4.726.187.500 |
| 413 | 3. Vốn khác của chủ sở hữu | | 9.399.424.872 | 6.886.924.872 |
| 414 | 4. Cổ phiếu quỹ | | (4.320.000) | (4.320.000) |
| 415 | 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | | 432.841.146 | 432.841.146 |
| 416 | 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | | (3.754.406.094) | 1.104.247.862 |
| 417 | 7. Quỹ đầu tư phát triển | | 45.303.476.444 | 38.387.801.222 |
| 420 | 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 683.141.251.044 | 611.297.938.915 |
| 439 | C. Lợi ích của cổ đông thiểu số | | 87.710.941.866 | 36.404.530.152 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | <u>2.560.795.636.305</u> | <u>2.078.042.640.682</u> |



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

| Chỉ tiêu | Thuyết minh | 30/06/2015 | 01/01/2015 |
|-----------------------------|-------------|----------------|----------------|
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | 12.495.360.777 | 12.495.360.777 |
| 5. Ngoại tệ các loại USD | | 1.008.116,13 | 55.752,45 |

Người lập biểu



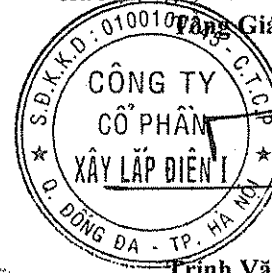
Phạm Thị Thanh Bình

Kế toán trưởng



Trần Thị Minh Việt

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2015



Trịnh Văn Tuấn

Trịnh Văn Tuấn

15-C
 CÔNG TY
 KH HƯ
 KIỂM
 ĐAS
 N KIẾ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

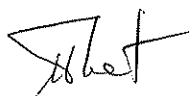
| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 6 tháng đầu năm | 6 tháng đầu năm |
|-------|--|-------------|-----------------------|------------------------|
| | | | 2015 | 2014 |
| | | | VND | VND |
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 23 | 1.275.546.753.868 | 1.569.306.986.654 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ | | - | - |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 1.275.546.753.868 | 1.569.306.986.654 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | 24 | 1.084.527.120.665 | 1.165.796.184.855 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 191.019.633.203 | 403.510.801.799 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 25 | 6.737.907.837 | 3.135.735.237 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | 26 | 5.846.501.189 | 7.562.782.317 |
| 23 | Trong đó: Chi phí lãi vay | | 4.551.186.151 | 7.334.776.269 |
| 24 | 8. Chi phí bán hàng | | 25.279.326.857 | 12.800.466.556 |
| 25 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | | 50.821.853.182 | 29.525.651.772 |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 115.809.859.812 | 356.757.636.391 |
| 31 | 11. Thu nhập khác | 27 | 7.895.328.817 | 750.785.470 |
| 32 | 12. Chi phí khác | 28 | 319.381.550 | 1.695.180.840 |
| 40 | 13. Lợi nhuận khác | | 7.575.947.267 | (944.395.370) |
| 45 | 14. Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, LD | | (335.804.761) | - |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 123.050.002.318 | 355.813.241.021 |
| 51 | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 29.1 | 29.502.128.684 | 74.143.617.129 |
| 52 | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 29.2 | (2.086.831.461) | 5.810.451.781 |
| 60 | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | 95.634.705.095 | 275.859.172.111 |
| 61 | 19. Lợi ích của cổ đông thiểu số | | 1.712.102.605 | 648.192.969 |
| 62 | 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ | | <u>93.922.602.490</u> | <u>275.210.979.142</u> |
| 70 | 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 30 | 4.673 | 13.692 |

Người lập biểu



Phạm Thị Thanh Bình

Kế toán trưởng



Trần Thị Minh Việt

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc




Trịnh Văn Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | 6 tháng đầu năm | 6 tháng đầu năm |
|--|--|-------------|-------------------|-------------------|
| | | | 2015 | 2014 |
| | | | VND | VND |
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước thuế | | 123.050.002.318 | 355.813.241.021 |
| | 2. Điều chỉnh các khoản | | 53.581.402.521 | 27.994.147.227 |
| 02 | - Khấu hao TSCĐ | | 11.975.550.518 | 10.532.574.956 |
| 03 | - Các khoản dự phòng | | 42.465.224.226 | 14.431.531.228 |
| 04 | - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | | (755.268) | - |
| 05 | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | | (5.409.803.106) | (4.304.735.226) |
| 06 | - Chi phí lãi vay | | 4.551.186.151 | 7.334.776.269 |
| 08 | 3. Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 176.631.404.839 | 383.807.388.248 |
| 09 | - Tăng, giảm các khoản phải thu | | (283.442.969.576) | 287.012.190.229 |
| 10 | - Tăng, giảm hàng tồn kho | | (127.505.602.935) | 297.673.759.466 |
| 11 | - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | | 147.169.686.568 | (530.312.169.889) |
| 12 | - Tăng, giảm chi phí trả trước | | 2.850.453.193 | (2.091.062.569) |
| 13 | - Tiền lãi vay đã trả | | (4.866.514.503) | (7.303.420.209) |
| 14 | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | | (54.883.588.770) | (67.097.835.479) |
| 15 | - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | 3.485.587.283 | 635.343.601 |
| 16 | - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (1.621.506.886) | (5.005.716.759) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | (142.183.050.787) | 357.318.476.639 |
| II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác | | (202.605.674.882) | (88.627.493.787) |
| 22 | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác | | 111.187.493 | 74.350.764 |
| 25 | 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | (29.912.746.079) | - |
| 26 | 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 330.664.077 | - |
| 27 | 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 5.585.799.348 | 3.125.603.035 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | (226.490.770.043) | (85.427.539.988) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 31 | 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | | 21.363.000.000 | - |
| 32 | 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | | (261.617.000) | - |
| 33 | 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | | 485.970.318.430 | 289.397.170.928 |
| 34 | 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | | (297.285.745.480) | (523.828.989.776) |
| 36 | 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | | (328.920.169) | - |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | 209.457.035.781 | (234.431.818.848) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
(Theo phương pháp gián tiếp)

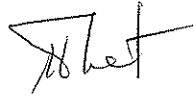
| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | 6 tháng đầu năm | 6 tháng đầu năm |
|-------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | 2015 | 2014 |
| | | | VND | VND |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | | (159.216.785.049) | 37.459.117.803 |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | | 414.907.865.578 | 284.960.384.538 |
| 61 | Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đến quy đổi ngoại tệ | | 755.268 | - |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 3 | <u>255.691.835.797</u> | <u>322.419.502.341</u> |

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Phạm Thị Thanh Bình

Trần Thị Minh Việt

Trịnh Văn Tuấn

